

Số: **2731** /QĐ-BNN-TY

Hà Nội, ngày **07** tháng 11 năm 2011

www.omard.gov.vn

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chương trình quốc gia khống chế
và loại trừ bệnh dại giai đoạn 2011 – 2015

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ban hành ngày 29/4/2004 và Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Công văn số 99/TTg-KTN ngày 19/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình khống chế và thanh toán bệnh dại ở động vật và ở người;

Căn cứ Công văn số 4477/99/VPCP-KTN ngày 04/7/2011 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình khống chế và thanh toán bệnh dại ở động vật và ở người;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình quốc gia khống chế và loại trừ bệnh dại giai đoạn 2011 - 2015 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Nâng cao nhận thức của người dân và cộng đồng về bệnh dại và phòng chống bệnh dại.
2. Nâng cao chất lượng hệ thống giám sát bệnh dại ở động vật và người.
3. 80% đàn chó được quản lý.
4. 80% đàn chó được tiêm phòng vắc xin.
5. 70% số tỉnh không có bệnh dại ở động vật.
6. Số ca tử vong do dại giảm 30% so với số tử vong trung bình của giai đoạn 2006-2010.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật, biện pháp liên quan đến phòng, chống bệnh dại bằng nhiều hình thức như: in sách hướng dẫn, in tờ rơi, pa nô về các biện pháp phòng, chống bệnh dại phân phát cho người dân, chủ hộ chăn nuôi chó, mèo; xây dựng các thông điệp, viết các bài truyền thông về tính chất nguy hiểm và biện pháp phòng, chống bệnh dại trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Tập huấn những kiến thức về bệnh dại, công tác quản lý chó mèo, công tác giám sát, tiêm phòng bệnh dại, kiểm dịch và chống dịch khi có dịch xảy ra.

3. Trang bị thiết bị chẩn đoán và giám sát bệnh dại cho 3 phòng thí nghiệm đặt tại thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

4. Giám sát và lập bản đồ dịch tễ bệnh dại.

5. Triển khai các hoạt động phòng chống bệnh dại như: tuyên truyền, quản lý đàn chó mèo, tiêm phòng định kỳ, kiểm dịch và kiểm soát vận chuyển, bắt chó và xử lý chó thả rông, giám sát phát hiện bệnh dại, điều tra ổ dịch...

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, vận động người dân nghiêm chỉnh chấp hành và thực hiện các quy định của Nghị định số 05/2007/NĐ-CP về phòng chống bệnh dại ở động vật và ở người.

2. Tăng cường nguồn lực, sự ủng hộ của chính quyền và nâng cao năng lực cho hệ thống cán bộ thú y thực hiện công tác phòng chống bệnh dại.

3. Tăng cường sự tiếp cận của người dân với dịch vụ tiêm vắc xin dại tế bào có hiệu lực cao và an toàn .

4. Tăng cường công tác giám sát và đáp ứng phòng chống dịch dại ở động vật và trên người. Xã hội hóa công tác phòng chống bệnh dại và huy động sự ủng hộ của cộng đồng.

IV. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

1. Ngân sách trung ương đảm bảo:

Kinh phí chỉ đạo, giám sát dịch tễ học, tập huấn, hội thảo, họp triển khai thực hiện, sơ kết, tổng kết đánh giá, thông tin, tuyên truyền, tăng cường thiết bị chẩn đoán, tăng cường hệ thống tiêm phòng và chi phí xây dựng Chương trình của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Ngân sách địa phương đảm bảo:

Kinh phí chỉ đạo, giám sát dịch bệnh, tập huấn, họp sơ kết, tổng kết đánh giá, thông tin, tuyên truyền, dụng cụ bắt giữ chó và hệ thống bảo quản vắc xin của địa phương.

3. Kinh phí do tổ chức, cá nhân đóng góp, hỗ trợ:

a) Các hộ gia đình, cá nhân nuôi chó, mèo phải tự chi trả tiền vắc xin và công tiêm phòng cho chó mèo;

b) Những người bị chó dại cắn phải tự chi trả tiền mua huyết thanh kháng dại và công tiêm phòng;

c) Các tổ chức, cá nhân khác hỗ trợ cho Chương trình.

4. Kinh phí Chương trình: Ngân sách Nhà nước đảm bảo (khái toán): **156.912.600.000 đồng**, trong đó:

a) Ngân sách Trung ương cấp cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 16.306.250.000 đồng, bao gồm:

- Xây dựng Chương trình: 32.000.000 đồng;
- Hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết: 584.000.000 đồng;
- Xây dựng băng hình, truyền thông, in ấn tài liệu, thông tin tuyên truyền: 6.284.250.000 đồng;
- Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ: 853.000.000 đồng;
- Thiết bị, vật tư, hoá chất xét nghiệm: 8.553.000.000 đồng.

b) Ngân sách địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 129.889.800.000 đồng, trong đó:

- Thông tin, tuyên truyền: 11.340.000.000 đồng;
- Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ: 31.216.500.000 đồng;
- Dụng cụ, vật tư bắt giữ chó: 5.779.800.000 đồng;
- Giám sát dịch tễ: 33.390.000.000 đồng;
- Chi đạo thực hiện Chương trình: 48.163.500.000 đồng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan chỉ đạo: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Cơ quan thực hiện: Cục Thú y; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thú y các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Cơ quan phối hợp:

a) Các đơn vị thuộc Bộ: Cục Chăn nuôi, Vụ Tài chính, Vụ Kế hoạch, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Viện Thú y.

b) Các đơn vị thuộc Bộ khác: Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, Cục Y tế Dự phòng (Bộ Y tế); các đơn vị thuộc Bộ: Công an, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Cục Thú y chủ động phối hợp với các cơ quan thuộc Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị liên quan

thuộc Bộ tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình quốc gia khống chế và loại trừ bệnh dại giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Công An; Giao thông vận tải;
- UBND, Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc T.W;
- Các đơn vị liên quan thuộc Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế;
- Lưu VT, TY.

